

MONG MUỐN VÀ ĐỀ XUẤT CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI VỀ HỌC TẬP THỰC TẾ CỘNG ĐỒNG NĂM 2022

Nguyễn Thị Thu Hương¹, Phạm Bích Diệp¹, Trần Kim Thanh¹,
Lê Thị Vũ Huyền¹, Đàm Thị Ngọc Anh¹, Lê Thị Hương¹

TÓM TẮT

Thực tế cộng đồng là môn học giúp sinh viên (SV) tiếp cận cộng đồng, phát hiện các vấn đề sức khỏe, phát triển các kỹ năng mềm, từ đó hỗ trợ cho các công việc tương lai của SV. Nghiên cứu nhằm **mục tiêu** "Mô tả mong muốn và đề xuất của SV trường Đại học Y Hà Nội về học tập thực tế cộng đồng năm 2022". **Phương pháp nghiên cứu:** thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang kết hợp định lượng và định tính. Cỡ mẫu gồm 232 SV trả lời phiếu khảo sát và có 13 thảo luận nhóm được tiến hành. **Kết quả:** Nội dung tập huấn trước khi đi thực tế tại cộng đồng mong muốn nhiều nhất về "Cách lựa chọn vấn đề nghiên cứu" với 27,2%. SV mong muốn được học tại cơ sở thực địa là "Tìm hiểu về cộng đồng" 52,6%. Đề xuất về địa điểm thực tế có 48,3% SV muốn tự liên hệ thực tế cộng đồng, 31,0% muốn giữ nguyên như hiện tại và 20,7% mong muốn địa điểm thực địa gần Hà Nội. Phần lớn SV (69%) cho rằng thời gian học tập tại thực địa 1 tuần là phù hợp. Có 37,5% cho rằng phương tiện đi lại đã phù hợp và không có đề xuất gì thêm. **Kết luận:** Nghiên cứu cho thấy SV đánh giá đã đáp ứng được nhu cầu và mong muốn khi được áp dụng và thực hành các kiến thức đã học từ trên trường vào thực tế.

Từ khóa: thực tế cộng đồng, sinh viên, đại học Y Hà Nội

SUMMARY

WANTS AND SUGGESTIONS OF STUDENTS AMONG HANOI MEDICAL UNIVERSITY ABOUT COMMUNITY PRACTICE IN 2022

Community practice program is a compulsory subject that helps students reach out to the community, detect health problems, develop soft skills, thereby supporting students in their future jobs. Research aims "To describe the needs and proposals of students in Hanoi Medical University about community practice in 2022". **Subjects and Methods:** A cross-sectional study with both quantitative and qualitative research was carried out. The sample size was 232 students who answered the survey and 13 focus group discussions were conducted. **Results:** The content of training before going to practice in the community about "How to choose research problems" was highest at 27.2%. Students wanted to "Learning about the community"

at fieldtrip was highest at 52.6%. Students had some suggestions about the field location: 48.3% of the students wanted to contact the community by themselves, 31.0% of them wanted to not change and 20.7% wanted to change to nearby Hanoi. The majority of students (69%) think that the time as a 1-week field study was appropriate. 37.5% of them thought that the means of transport was suitable and had no further suggestions. **Conclusion:** The study shows that the majority of students assess that they meet their needs and desires when applying and practicing the knowledge and skill that they learned from the school in community practice. Students highly appreciate the method of learning and teaching in the community.

Keywords: community practice, students, Hanoi Medical University

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực tế cộng đồng 1 là môn học bắt buộc trong chương trình học của sinh viên (SV) năm thứ 3 hệ bác sĩ và SV năm thứ 2 hệ cử nhân trường Đại học Y Hà Nội [1]. Chương trình học tập từ thực địa giúp cho SV tiếp cận với cộng đồng và từ đó phát hiện các vấn đề sức khỏe, kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, và truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng từ đó giúp cho SV tiếp cận sớm trong xử lý các tình huống thực tế công việc tương lai [2]. Nó cũng giúp SV hiểu rõ hơn về mối quan hệ giữa nhân viên y tế và người dân, quá trình ra quyết định trong hoàn cảnh thực tế và hòa nhập với sự thay đổi môi trường trong công tác [3].

Từ năm 2020 đến năm 2021, do bùng phát của đại dịch COVID-19, việc tổ chức đi tập trung tại thực địa không khả thi [4], môn học Thực tế cộng đồng được thực hiện theo hình thức đổi mới để vừa đáp ứng được hoạt động SV tìm hiểu về vấn đề sức khỏe tại địa phương mà vẫn đảm bảo giãn cách xã hội. SV sẽ được học tập online và hoạt động thực tế cộng đồng thực hiện qua phần SV sẽ tìm hiểu các thông tin bệnh tật tại mỗi địa phương nơi mình sinh sống theo các bộ câu hỏi. Đến năm 2022, Việt Nam đã bao phủ tiêm chủng tối thiểu 2 mũi vắc xin COVID-19 ở người trưởng thành, thanh thiếu niên (12-17 tuổi) và tiến tới tiêm cho trẻ từ 5-11 tuổi [5]. Các quy định di chuyển giữa các địa phương đã được nới lỏng, SV và học sinh bắt đầu quay trở lại học trực tiếp từ tháng 4/2022. Chương trình học Thực tế cộng đồng năm 2022 được triển khai tại

¹Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng
Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Thu Hương
Email: ntth@hmu.edu.vn
Ngày nhận bài: 4.10.2022
Ngày phản biên khoa học: 23.11.2022
Ngày duyệt bài: 2.12.2022

huyện Bình Lục, Hà Nam như các năm trước đây với 13 tổ SV gồm các chuyên ngành Bác sĩ Y học cổ truyền, Bác sĩ Y học dự phòng, Cử nhân Y tế công cộng và Cử nhân dinh dưỡng.

Trong 3 năm gần đây, với sự thay đổi chương trình học Thực tế cộng đồng theo tình hình thực tế nhằm đáp ứng linh hoạt đảm bảo môn học đáp ứng được các chuẩn đầu ra cho SV. Do vậy, nghiên cứu cần thiết được tiến hành để tìm hiểu nhu cầu, mong muốn và đề xuất của SV trong việc xây dựng một chương trình thực địa cộng đồng phù hợp. Kết quả nghiên cứu mong muốn sẽ cung cấp thông tin cho hoạt động đào tạo đại học về chương trình thực tế cộng đồng để có nội dung thực hành sâu sát nhất và phục vụ công việc tương lai của SV. Chính vì những lý do trên chúng tôi tiến hành nghiên cứu với mục tiêu sau: "*Mô tả mong muốn và đề xuất của SV trường Đại học Y Hà Nội về học tập thực tế cộng đồng năm 2022*"

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu. SV ngành bác sĩ Y học dự phòng (YHDP) và SV Y học cổ truyền (YHCT) năm 3, SV Cử nhân Y tế công cộng (YTCC), Dinh dưỡng (CNDD) và Văn bằng hai học năm 2.

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu. Số liệu được thu thập ngay sau khi SV hoàn thành đợt thực tế cộng đồng tại Hà Nam vào tháng 7 năm 2022.

2.3. Thiết kế nghiên cứu. Nghiên cứu mô tả cắt ngang, kết hợp phương pháp định lượng và định tính.

2.3.1. Nghiên cứu định lượng

a. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu. Cỡ mẫu gồm tất cả 257 SV đi học thực tế cộng đồng 1, trong đó có 65 SV YHDP chính quy, 26 SV YHDP văn bằng 2, 52 SV YHCT, 68 SV CNDD và 46 SV YTCC. Thực tế, có 232 SV tham gia vào nghiên cứu, chiếm tỷ lệ 90,2%.

b. Biến số nghiên cứu. Biến số về mong muốn và đề xuất học thực tế cộng đồng 1 của SV, các biến số này bao gồm mong muốn của SV liên quan đến thời gian, địa điểm, nội dung, phương pháp giảng dạy và lượng giá của học thực tế cộng đồng 1. Nhóm biến số này được sử dụng thang đo likert 5 mức độ từ 1 là "rất không đồng ý" đến 5 là "rất đồng ý".

c. Phương pháp thu thập thông tin. Nghiên cứu định lượng được thiết kế trên Google form và gửi cho lớp trưởng để gửi cho tất cả các bạn điền phiếu. Khi SV hoàn thành phiếu xong thì ấn nút nộp phiếu trực tuyến.

d Xử lý là phân tích số liệu. Số liệu sau khi

thu thập được rà soát, xử lý và phân tích bằng phần mềm Stata. Thống kê mô tả sử dụng để mô tả giá trị trung bình, tần số, tỷ lệ phần trăm của từng biến số nêu trên.

2.3.2. Nghiên cứu định tính

a. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu. Toàn bộ 13 tổ sinh viên tương ứng 13 cuộc thảo luận nhóm được thực hiện.

b. Biến số nghiên cứu. Các biến số về những đề xuất của SV liên quan đến thay đổi về thời gian, địa điểm, nội dung, phương pháp giảng dạy và lượng giá được thiết kế trong hướng dẫn thảo luận nhóm.

c. Phương pháp thu thập thông tin. Giảng viên của đợt thực tế cộng đồng là người điều hành và thu thập thông tin thảo luận nhóm.

d. Xử lý là phân tích số liệu. Các biên bản thảo luận nhóm được giảng viên của đợt thực tế cộng đồng ghi chép lại và chuyển cho nhóm nghiên cứu để phân tích. Nhóm nghiên cứu thực hiện phân tích thông tin định tính theo chủ đề.

2.4. Đạo đức nghiên cứu. Nghiên cứu đảm bảo mọi nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu y sinh học. Đường link tự điền là phiếu khuyết danh và SV tham gia nghiên cứu hoàn toàn được bảo mật thông tin. Sự tham gia của các SV là hoàn toàn tự nguyện.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Tổng số 232 SV phản hồi về chương trình thực địa cộng đồng trong đó SV nữ gồm 167 sinh viên chiếm 72%. Tại địa điểm thực địa, phần lớn (70,7%) SV ăn ở tại trạm Y tế xã, 15,5% ở tại nhà dân, 7,3% sinh viên ở nhà nghỉ tự thuê và nhóm sinh viên ăn nghỉ tại nhà chùa chiếm 6,5%.

Bảng 1. Mong muốn của SV khi học tập tại cộng đồng

Các nội dung mong muốn	Tần số	Tỷ lệ %
Tổng	232	100
Tập huấn trước đi cộng đồng		
Nội quy, quy định học tập	51	22
Cách lựa chọn vấn đề nghiên cứu	63	27,2
Kỹ thuật thu thập thông tin	48	20,7
Cách viết báo cáo cuối khóa	33	14,2
Khác (Kỹ năng TTGDSK, giao tiếp cộng đồng,..)	37	16
Học tại thực địa		
Tìm hiểu về cộng đồng	122	52,6
Phát hiện các yếu tố nguy cơ	35	15,1
Phát hiện các vấn đề, lựa chọn chủ đề và tổ chức TTGDSK	39	16,8

Khác (điều tra bộ câu hỏi, giao lưu văn nghệ, thể thao,...)	36	15,5
---	----	------

Bảng 1 cho thấy có 27,2% SV mong muốn được tập huấn và "Cách lựa chọn vấn đề nghiên cứu", 22% muốn biết thêm về "nội quy, quy định học tập", 20,7% SV muốn biết thêm về "kỹ thuật thu thập thông tin". Phương pháp học tập mà SV mong muốn trước khi xuống cộng đồng chủ yếu là "học lý thuyết tại giảng đường" 63,4%. Tại cơ sở thực địa, các nội dung mà SV mong muốn được học chủ yếu là "Tìm hiểu về cộng đồng" 52,6%. Về công tác tổ chức dạy học tại thực địa: hầu hết (73,7%) SV đánh giá hình thức triển khai như hiện tại là phù hợp (73,7%).

Hộp định tính số 1. Nhu cầu và mong muốn của SV khi đi học tại cộng đồng

Nội dung thực hành tại cộng đồng	Mong muốn được thực hành các kiến thức được học của SV phần lớn đã được đáp ứng qua chuyến thực tế cộng đồng này. Cụ thể: Được thực hành các kỹ năng TTGDSK, giao tiếp và kỹ năng phát hiện vấn đề trong cộng đồng + Nhóm YHDP: Được tiếp xúc với cộng đồng khi hỗ trợ tiêm chủng, cấp cứu; Được thực hành kỹ năng giao tiếp; Kỹ năng tiếp cận và khai thác thông tin nhanh và hiệu quả; kỹ năng làm việc nhóm + Nhóm Dinh dưỡng: Được tiếp xúc trực tiếp với phong tục tập quán; Được điều tra khảo sát bộ câu hỏi, viết báo cáo; Trải nghiệm cuộc sống tập thể, nâng cao tinh thần đoàn kết giữa các thành viên.
Nội dung tập huấn trước khi đi thực tế	Cung cấp đầy đủ hướng dẫn, tập huấn để chuẩn bị trước khi đi giúp SV cảm thấy thoải mái, tự tin hơn

Phần lớn đã đáp ứng được nhu cầu và mong muốn của SV khi được áp dụng và thực hành các kiến thức đã học từ trên trường vào thực tế gồm có các kỹ năng giao tiếp, truyền thông, phát hiện vấn đề, làm việc nhóm.

Bảng 2. Đề xuất của SV về học tập tại cộng đồng

Các đề xuất tại cộng đồng	Tần số	Tỉ lệ %
Tổng	232	232
Giữ nguyên như hiện nay	72	31
SV tự liên hệ	112	48,3
Địa điểm gần, đi trong ngày	48	20,7
Thời gian học		

1 tuần	160	69
2 tuần	55	23,7
Khác (4 ngày; 1,5 tuần; 1tháng)	17	7,3
Phương pháp dạy học		
Phương pháp dạy hợp lý/ không có ý kiến gì	175	75,4
Dạy LT trực tiếp trên giảng đường/ Day Elearning/Học online	46	19,9
Khác (kết hợp lý thuyết và thực hành, giáo viên ở cùng SV, SV tự chủ động,...)	11	4,8
Xe cộ đi lại		
Không có đề xuất gì	87	37,5
Ôtô khách/bus	46	19,8
Có phương tiện đi lại ở địa phương	31	13,4
Chủ động tự đi xe hoặc đăng ký với trường	23	9,9
Khác (trường hỗ trợ, xe ô tô to và thoáng hơn, cần đúng giờ, lái xe hòa đồng...)	45	19,4

Bảng 2 cho thấy về đề xuất địa điểm thực tế có 48,3% SV muốn tự liên hệ thực tế cộng đồng, 31,0% muốn giữ nguyên như hiện tại và 20,7% mong muốn địa điểm thực địa gần Hà Nội. Phần lớn SV (69%) cho rằng thời gian học tập tại thực địa 1 tuần là phù hợp. Phần lớn SV (75,4%) cho rằng phương pháp học thực địa như hiện tại là phù hợp/ không có đề xuất gì. Hầu hết (86,2%) SV đều hài lòng với giảng viên hướng dẫn tại thực địa. Về phương tiện đi lại: 37,5% cho rằng đã phù hợp và không có đề xuất gì thêm chiếm phần lớn. Bên cạnh đó, 19,8% SV mong muốn đi xuống cộng đồng bằng xe khách, 13,4% SV mong muốn có phương tiện đi lại ở địa phương.

Hộp định tính số 2. Đề xuất tổ chức học tập và giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng học thực tế cộng đồng

Địa điểm tổ chức	Thay đổi địa điểm thực tập ở nơi gần địa bàn thành phố Hà Nội hoặc tại tỉnh khác hoặc tự về địa phương
Thời gian học	Khoảng 1 tuần. Nên đi thực tế cộng đồng vào mùa thu, khoảng thời gian mát mẻ ít mưa bão.
Phương pháp dạy học+ GV	Đánh giá chung là phù hợp + Nhóm YHDP: Nhà trường cho SV tự xây dựng kế hoạch tiếp cận, và xác định vấn đề truyền thông trước khi lên thực địa
Đề xuất về xe cộ đi lại	Xem xét cho mang xe máy lên cơ sở thực địa để tiện cho sinh hoạt hàng ngày và đi lại của nhóm; Nên chọn cỡ xe có sức chứa gấp rưỡi số lượng SV khi di chuyển xuống thực địa
Các đề	+ Nhóm YHDP: Cần nhắc vấn đề lỗi

xuất khác	kết nối trong quá trình thu thập khảo sát online + Nhóm YHCT: Cho SV YHCT thực tập tại xã có vườn thuốc nam + Nhóm dinh dưỡng & YTCC: Bộ câu hỏi nên thay đổi cho phù hợp với chuyên ngành; Muốn học môn NCKH trước khi đi thực địa
----------------------	---

SV cũng đề xuất có thêm những địa điểm thực tế khác gần hơn, thời gian thực tế vào mùa thu sẽ thuận tiện cho việc học tập và sinh hoạt tại cộng đồng. SV khá hài lòng và không có thêm đề xuất về cách thức tổ chức và phương pháp dạy học tại cộng đồng. Bên cạnh đó, về điều kiện sinh hoạt SV cũng mong muốn được hỗ trợ thêm để đảm bảo điều kiện sinh hoạt, có xe cộ thuận tiện đi lại.

IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu cho thấy phần lớn đã đáp ứng được nhu cầu và mong muốn của SV khi được áp dụng và thực hành các kiến thức đã học từ trên trường vào thực tế. Nội dung mà SV mong muốn được tập huấn nhiều là về "Cách lựa chọn vấn đề nghiên cứu", "nội quy, quy định học tập", và "kỹ thuật thu thập thông tin". Đây là các nội dung cơ bản và quan trọng trong hoạt động thực tế cộng đồng đã được tổ chức tập huấn trong 1 ngày trước khi đi thực địa rất phù hợp. Sinh viên đánh giá cao phương pháp tập huấn là học tại giảng đường, các bạn SV cũng mong muốn có thể kết hợp thêm các hình thức thực hành, đóng vai để giúp SV nắm rõ hơn và vận dụng ngay được các kiến thức đã học vào thực hành tốt hơn.

Trong quá trình học tập tại cộng đồng, hầu hết SV đánh giá hình thức triển khai tại cộng đồng như hiện nay là phù hợp với nội dung mà SV mong muốn học được nhiều nhất là "Tìm hiểu về cộng đồng". Các em đều nhận thấy, quá trình học tập mang tới các trải nghiệm cho SV không chỉ trong các hoạt động tại cơ sở y tế mà còn các hoạt động tập thể. Môn học thực tế cộng đồng giúp SV tiếp cận được từ những trải nghiệm trong thực tế, để nâng cao kiến thức, kỹ năng của bản thân, nhằm trang bị tốt nhất cho SV trước khi ra trường. Các nghiên cứu từ trước cũng cho thấy chương trình thực tế cộng đồng sẽ giúp nâng cao các kỹ năng lập kế hoạch, giao tiếp với bệnh nhân, xử lý các tình huống thực tế, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau [2], [3], [6].

Nghiên cứu cho thấy một số các đề xuất của SV cho môn học. Một phần SV mong muốn tự liên hệ địa điểm tại cộng đồng, và một phần SV mong muốn giữ nguyên như hiện tại, cũng có

một vài nhóm SV đề xuất có thêm những địa điểm thực tế khác gần hơn và có thể đi trong ngày. Thực tế các địa điểm này cũng được bao phủ trong các đợt học thực tế cộng đồng. Trong chương trình học của SV ngành Y học dự phòng và Y tế công cộng, chúng tôi thiết kế 2 đợt học, đợt đầu tiên vào năm thứ 2 và thứ 3, SV sẽ học tập trung tại Hà Nam. Đợt học thứ 2 sẽ tổ chức vào năm cuối của các hệ, SV sẽ học tại các cơ sở tại Hà Nội. Việc thiết kế các địa điểm học tập đa dạng và bao phủ trong suốt quá trình học giúp SV tiếp cận được các công việc đa dạng hơn và đáp ứng thực tế nghề nghiệp của SV sau khi ra trường [3].

Phần lớn SV cho rằng thời gian học tập tại thực địa 1 tuần là phù hợp với thời lượng 1 tín chỉ. Thảo luận nhóm cho thấy SV khá hài lòng và không có thêm đề xuất về cách thức tổ chức và phương pháp dạy học tại cộng đồng. Kết quả đánh giá định lượng cho hầu hết SV đánh giá rằng phương pháp học thực địa như hiện tại năm 2022 là phù hợp, chỉ một phần nhỏ SV cho rằng có thể học tại giảng đường (năm 2020) hoặc học online/Elearning (như năm 2021). Điều này cho thấy, SV phần lớn vẫn có đề xuất học phương pháp thực địa tại cộng đồng hơn. Học tập tại cộng đồng là cơ hội cho SV tham gia trực tiếp vào các hoạt động của địa phương và học từ thực tế hiệu quả nhất [2].

Nghiên cứu của chúng tôi cũng cho kết quả SV có mong muốn được hỗ trợ thêm để đảm bảo điều kiện sinh hoạt, có xe cộ thuận tiện đi lại. Đánh giá của SV về phương tiện đi lại phần lớn là phù hợp. Bên cạnh đó, một phần SV mong muốn đi xuống cộng đồng bằng xe khách, và một số nhóm có mong muốn có phương tiện đi lại ở địa phương để thuận tiện cho việc sinh hoạt. Tuy nhiên, về thực tế tại địa phương cần đảm bảo an toàn cho SV nên việc đi lại cũng nên có hạn chế từ nhà trường với tổ chức thuê xe đi tập trung và có giảng viên hướng dẫn giám sát suốt chuyến đi. Trong quá trình thực địa cũng hạn chế đi khỏi nơi ở nhằm an toàn cho SV, phòng tránh tai nạn giao thông khi di chuyển.

V. KẾT LUẬN

Phần lớn SV đánh giá nhu cầu và mong muốn của SV được áp dụng và thực hành các kiến thức đã học từ trên trường vào thực tế đã được đáp ứng. SV đánh giá cao phương pháp tổ chức dạy học tại cộng đồng là phù hợp với các chuyên ngành hiện nay cũng như hài lòng với giảng viên hướng dẫn thực địa. SV cũng có mong muốn tự liên hệ địa điểm cộng đồng và có thêm những địa điểm thực tế khác gần hơn và có thể

đi trong ngày. Nhà trường có thể cân nhắc các thông tin này để triển khai hoạt động thực tế cộng đồng ngày càng tốt hơn trong thời gian tới.

VI. LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành nghiên cứu này, nhóm nghiên cứu xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Trung tâm Y tế huyện Bình Lục và 13 xã trong huyện, Phòng Đào tạo-Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế, các Thầy Cô giảng viên hướng dẫn trường Đại học Y Hà Nội, các giảng viên kiêm nhiệm tại Hà Nam và các em SV đã phối hợp thực hiện trong quá trình triển khai và thu thập số liệu nghiên cứu. Nhóm tác giả tham gia nghiên cứu cam kết không có xung đột lợi ích từ kết quả nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trường Đại học Y Hà Nội Đào tạo Đại học. Trường Đại học Y Hà Nội, <<https://hmu.edu.vn/p/a9209374-897f-4211-b1c6-fc49f0521081/dao-tao-bac-si-y-hoc-du-phong>>, accessed: 09/16/2022.
2. Wilson N.W., Bouhuijs P. a. J., Conradie H.H., et al. (2008). Perceived educational value and enjoyment of a rural clinical rotation for medical students. *Rural Remote Health*, **8**(3), 999.
3. Ja S. and Pa J. (1999). Measuring instructional quality in community-oriented medical education: looking into the black box. *Med Educ*, **33**(11), 846–853.
4. Thanh H.N., Van T.N., Thu H.N.T., et al. (2020). Outbreak investigation for COVID-19 in northern Vietnam. *Lancet Infect Dis*, **20**(5), 535–536.
5. Bộ trưởng Bộ Y tế: Tỷ lệ bao phủ vaccine phòng COVID-19 của Việt Nam về đích sớm hơn so với mục tiêu khuyến cáo của WHO - Hoạt động của lãnh đạo bộ - Cổng thông tin Bộ Y tế. <https://moh.gov.vn/hoat-dong-cua-lanh-dao-bo/-/asset_publisher/TW6LTp1ZtwaN/content/bo-truong-bo-y-te-ty-le-bao-phu-vaccine-phong-covid-19-cua-viet-nam-ve-ich-som-hon-so-voi-muc-tieu-khuyen-cao-cua-who>, accessed: 09/16/2022.
6. Luu H. and Wright P. (2008). Community-university partnership: key elements for improving field teaching in medical schools in Vietnam. *Rural Remote Health*, **(4)**, 8.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ MI DƯỚI ĐƯỜNG KẾT MẠC

Nguyễn Ngọc Trâm¹, Nguyễn Quốc Anh², Nguyễn Ngân Hà^{1,2}

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá kết quả phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ mi dưới qua đường kết mạc. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Bệnh nhân thừa mỡ mi dưới được tiến hành lấy mỡ mi dưới đường kết mạc tại bệnh viện Mắt Trung ương từ tháng 07/2021 đến tháng 9/2022. Nghiên cứu can thiệp lâm sàng không có nhóm chứng với cỡ mẫu 28 mắt. Kết quả được đánh giá sau 1 tuần và 1 tháng. **Kết quả:** 100% số mắt sau phẫu thuật mi mắt nhắm kín, không có lật mi, viêm mắt bình thường, không có tổn thương bề mặt nhãn cầu. Độ phẳng và cân đối của mi dưới hai bên mắt sau phẫu thuật đạt 92,9%. Tỷ lệ người bệnh hài lòng với kết quả phẫu thuật là 78,6%. Về kết quả chung, 71,4% số trường hợp đạt kết quả tốt, 28,6% đạt kết quả trung bình và không trường hợp nào đạt kết quả kém. **Kết luận:** Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ mi dưới đường kết mạc là phương pháp dễ thực hiện, kết quả tốt và an toàn cho các trường hợp thừa mỡ mi dưới không hoặc ít thừa da.

Từ khóa: Tạo hình thẩm mỹ mi mắt, mi dưới, đường kết mạc.

SUMMARY

EVALUATE THE RESULTS OF TRANSCONJUNCTIVAL LOWER BLEPHAROPLASTY

Objective: To evaluate the results of transconjunctival lower blepharoplasty. **Methods:** Patients with excess lower eyelid fat were performed transconjunctival lower blepharoplasty at National Eye Hospital from 7/2021 to 9/2022. Clinical intervention study without a control group with a sample size of 28 eyes. Results were evaluated after 1 week and 1 month. **Results:** After surgery, there was no patient reported lagophthalmos, ectropion or damage to the eyeball surface. 92,9% patients achieved success in the flatness and symmetry. The rate of patients satisfied with the surgical results was 78,6%. Regarding the overall results, 71,4% of eyes achieved good results, 28,6% of eyes achieved average results and no case achieved poor results. **Conclusion:** Transconjunctival lower blepharoplasty is an easy, safe and effective method for patients without or mild skin redundancy.

Keywords: Blepharoplasty, lower eyelid, transconjunctival.

¹Đại học Y Hà Nội

²Bệnh viện Mắt Trung Ương

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Ngân Hà

Email: nguyennghanha@hmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 3.10.2022

Ngày phản biện khoa học: 23.11.2022

Ngày duyệt bài: 2.12.2022